CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

-----------------o0o------------------

**HỢP ĐỒNG MUA SẮM HÀNG HÓA**

Số: ……………../2019/HĐMSHH

*(Áp dụng cho trường hợp mua sắm theo cách thức ký thỏa thuận khung)*

Căn cứ Luật đấu thầu số 43/2013/QH13 ngày 26/11/2013của Quốc hội khóa XIII;

Căn cứ Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ Thỏa thuận khung số 01/TTK-TTĐG ngày 18 tháng 10 năm 2019 giữa Trung tâm Dịch vụ đấu giá tài sản TP.HCM (Đơn vị mua sắm tập trung) và Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam;

Hôm nay, ngày..... tháng 10 năm 2019, chúng tôi gồm có:

**I. Nhà thầu cung cấp hàng hóa (Bên A):**

Tên đơn vị: **Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam**

Địa chỉ: Số 10 Tân Trào, P. Tân Phú, Quận 7, Tp. HCM

Điện thoại: (028) 541 55555

Giấy đăng ký kinh doanh số: 0300588569 cấp lần đầu ngày 20 tháng 11 năm 2003 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP.HCM cấp;

Mã số thuế: 0300588569;

Số tài khoản: 060 234 614 072 tại: Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín - Chi nhánh Trung tâm TP. HCM (Sacombank – CN Trung tâm TP.HCM).

Đại diện bởi: Ông Trần Hữu Định – Giám đốc kinh doanh miền Hồ Chí Minh

*(theo GUQ số 5273/GUQ-CTS.BPPC/2019 ngày 17/10/2019)*

**II. Bên mua sắm hàng hóa (Bên B):**

Tên đơn vị: ……………………………………………………………………..

Địa chỉ: ……………………………………………………………………..

Quyết định thành lập số: ……………….……ngày ……………của………………

……………………………………………………………………………………..

Mã số quan hệ với NSNN: …………………………………………………………

Mã số thuế (nếu có): ……………………………………………………………….

Số tài khoản 1: …………………………… tại ……………………………………

Số tài khoản 2: …………………………… tại ……………………………………

Đại diện bởi: ………………………………Chức vụ: ……………………………..

Hai bên thống nhất ký Hợp đồng mua sắm hàng hóa với các nội dung như sau:

**Điều 1. Thành phần hợp đồng**

Hợp đồng bao gồm các thành phần sau: Thỏa thuận khung và các hồ sơ liên quan khác.

**Điều 2: Chủng loại, số lượng tài sản**

1. Chủng loại hàng hóa mua sắm: theo Phụ lục 01 đính kèm;

2. Số lượng hàng hóa mua sắm (tạm tính): số lượng học sinh đăng ký..……. x 10 tuần x 5 hộp/tuần = ……………… hộp.

**Điều 3. Giá bán hàng hóa và giá trị hợp đồng**

1. Giá trị hợp đồng (tạm tính):

Số lượng hàng hóa mua sắm (tạm tính) x 6.050 đồng = ………… đồng

*(Bằng chữ:* ……...…………………………………………......................*).*

2. Đơn giá 1 hộp sữa là: 6.050 đồng/hộp (đã bao gồm phần hỗ trợ bên A).

3. Giá bán 01 hộp sữa dành cho trẻ em thuộc Đối tượng 1 sau khi trừ hỗ trợ của Bên A:

* Giá bán Sữa tươi tiệt trùng có đường Nhãn hiệu Vinamilk 100% Sữa tươi – Học đường, dung tích 180 ml/hộp: 4.840 đồng/ hộp; trong đó Ngân sách hỗ trợ 30% tương đương với số tiền là 1.815 đồng, Phụ huynh học sinh đóng góp 50% tương đương với số tiền là 3.025 đồng;
* Giá bán Sữa tươi tiệt trùng không đường Nhãn hiệu Vinamilk 100% Sữa tươi - Học đường, dung tích 180 ml/hộp: 4.840 đồng/ hộp; trong đó Ngân sách hỗ trợ 30% tương đương với số tiền là 1.815 đồng, Phụ huynh học sinh đóng góp 50% tương đương với số tiền là 3.025 đồng.

4. Giá bán 01 hộp sữa dành cho trẻ em thuộc Đối tượng 2 sau khi trừ hỗ trợ của Bên B:

* Giá bán Sữa tươi tiệt trùng có đường Nhãn hiệu Vinamilk 100% Sữa tươi – Học đường, dung tích 180 ml/hộp: 3.025 đồng/ hộp; trong đó Ngân sách hỗ trợ 50% tương đương với số tiền là 3.025 đồng;
* Giá bán Sữa tươi tiệt trùng không đường Nhãn hiệu Vinamilk 100% Sữa tươi - Học đường, dung tích 180 ml/hộp: 3.025 đồng/ hộp; trong đó Ngân sách hỗ trợ 50% tương đương với số tiền là 3.025 đồng;

Giá trên đã bao gồm thuế, các loại phí và chi phí giao hàng tại điểm trường chính.

Trẻ em thuộc đối tượng 1 (Phụ huynh đóng góp 50%):đã được quy định trong HSMT; Trẻ em thuộc đối tượng 2 bao gồm: học sinh thuộc diện hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn thành phố; học sinh sống tại các cơ sở bảo trợ xã hội công lập và ngoài công lập (được cấp phép theo quy định của pháp luật) được quy định trong HSMT.

**Điều 4. Phương thức và thời hạn thanh toán**

1. Phương thức thanh toán: Chuyển khoản;
2. Thời hạn thanh toán: thanh toán 01 lần, trong vòng 30 ngày sau khi kết thúc Học kỳ I năm học 2019 – 2020 (thủ tục thanh toán phải được hoàn tất trước ngày 31/01/2020);
3. Khối lượng thanh toán: Thanh toán theo thực tế khối lượng sữa đã nghiệm thu, bàn giao theo phụ lục số 03. Tỷ lệ khối lượng tăng tối đa 15%, tỷ lệ khối lượng giảm theo số lượng thực tế của từng trường;
4. Tài khoản nhận thanh toán của Bên A:

Tên tài khoản: Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam;

Số tài khoản: 060 234 614 072 tại: Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín - Chi nhánh Trung tâm TP. HCM (Sacombank – CN Trung tâm TP.HCM).

 **Điều 5. Thời gian, địa điểm giao, nhận hàng hóa**

1. Thời gian giao, nhận hàng hóa: 02 lần/tháng, đối với các trường, nhóm lớp không có điều kiện thuận lợi về kho lưu trữ, bảo quản, thì giao sữa 01 lần/tuần;
2. Địa điểm giao, nhận hàng hóa: giao tại địa chỉ của Bên B trên hợp đồng.

 **Điều 6. Quyền và nghĩa vụ các bên**

1. Quyền và nghĩa vụ của Bên A
* Cung cấp hàng hóa cho Bên B theo đúng quy định tại Điều 2;
* Yêu cầu Bên B thanh toán theo quy định của pháp luật;
* Bên A cung cấp thiết bị tủ, kệ bảo quản sữa cho Bên B để bảo quản sữa tại trường, trong vòng 30 ngày kể từ ngày ký thỏa thuận khung;
* Bên A tổ chức hướng dẫn, tập huấn cho cán bộ của Bên B tham gia thực hiện chương trình;
* Trong quá trình sử dụng nếu xảy ra tình trạng ngộ độc thực phẩm do sữa, Bên A có trách nhiệm phối hợp Bên B khắc phục xử lý hậu quả xảy ra. Bên A phải chịu mọi chi phí liên quan đến khắc phục hậu quả;
* Từ chối đổi trả miễn phí đối với sữa tươi tiệt trùng không đủ thời hạn sử dụng, có dấu hiệu bị biến chất, hư hỏng không phải hàng hóa do Bên A cung cấp;
* Thực hiện đầy đủ các cam kết và nội dung khác đã ghi trong Hồ sơ dự thầu, thỏa thuận khung và hợp đồng này.

2. Quyền và nghĩa vụ của Bên B:

* Gửi thông tin số lượng hàng hóa cần sử dụng cho bên A trước ngày 20 hàng tháng cho lần sử dụng của tháng kế tiếp;
* Thông báo kịp thời cho Bên A khi thấy hàng hóa có những biểu hiện bất thường để Bên A có biện pháp khắc phục;
* Yêu cầu Bên A khắc phục, xử lý kịp thời các sự cố xảy ra (nguyên nhân do bên A) trong thời gian thực hiện hợp đồng;
* Chuẩn bị mọi điều kiện cần thiết cho Bên A thực hiện bàn giao, bảo quản sữa tươi tiệt trùng theo quy định;
* Bố trí cán bộ kiểm tra, tiếp nhận, theo dõi, giám sát việc bàn giao, tiếp nhận sữa tươi tiệt trùng đảm bảo đúng yêu cầu của quy định trong Đề án, thỏa thuận khung, hồ sơ mời thầu và các quy định hiện hành khác, cùng với Bên A nghiệm thu hàng hóa và các hồ sơ, tài liệu liên quan;
* Từ chối tiếp nhận sản phẩm sữa tươi tiệt trùng do Bên A cung cấp nếu phát hiện không đảm bảo đúng tên, chủng loại, xuất xứ theo Phụ lục số 01 hoặc hàng hóa không đảm bảo về chất lượng cam kết;
* Phối hợp cùng với Bên A lập hồ sơ thanh quyết toán, thanh lý hợp đồng theo đúng quy định.
* Thanh toán cho bên A theo đúng quy định tại Điều 4.
* Thực hiện điều chỉnh tăng hoặc giảm số lượng sữa tươi tiệt trùng theo tỷ lệ, quy định tại khoản 3, Điều 4.
* Thực hiện các nội dung khác được quy định trong thỏa thuận khung và trong hợp đồng này.

**Điều 7. Hiệu lực, loại hợp đồng.**

 1. Hiệu lực hợp đồng: Có hiệu lực kể từ ngày ký và kết thúc khi hai bên ký nghiệm thu, thanh lý;

 2. Loại hợp đồng: hợp đồng theo đơn giá điều chỉnh.

**Điều 8. Chế độ xử phạt do vi phạm hợp đồng**

1. Các bên cam kết thực hiện đúng theo hợp đồng đã ký kết.

2. Trường hợp mỗi bên có sự thay đổi các điều khoản trong hợp đồng thì phải thông báo cho bên kia biết. Hai bên chủ động bàn bạc giải quyết trên cơ sở thương lượng đảm bảo đôi bên cùng có lợi; Trong thời gian 20 ngày kể từ ngày phát sinh tranh chấp, vi phạm, nếu không giải quyết được thông qua thương lượng, hòa giải, hai bên sẽ đưa ra Tòa án nhân dân Tp. HCM để giải quyết. Phán quyết của tòa án là quyết định cuối cùng và bắt buộc thi hành đối với cả hai bên. Án phí do bên vi phạm chịu.

**Điều 9. Các nội dung liên quan khác**

Hai bên thực hiện đầy đủ theo nội dung quy định trong Đề án, thỏa thuận khung và các tài liệu liên quan.

Hợp đồng này được lập thành 05 bản có giá trị pháp lý như nhau: gửi đơn vị mua sắm tập trung 01 bản, Bên A và Bên B - mỗi bên giữ 02 bản./.

|  |  |
| --- | --- |
| **ĐẠI DIỆN BÊN B***(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)* | **ĐẠI DIỆN BÊN A***(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)* |

**Phụ lục số 01**

**DANH MỤC HÀNG HÓA**

**1. Hàng hóa: Sữa tươi tiệt trùng có đường** **Nhãn hiệu Vinamilk 100% Sữa tươi - Học đường**

**- Tên nhãn mác:** Sữa tươi tiệt trùng có đường Nhãn hiệu Vinamilk 100% Sữa tươi - Học đường;
**- Tên nhà sản xuất:** Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam;
**- Nguồn gốc xuất xứ:** Sản xuất tại Việt Nam.
**- Thành phần:**

 **+** Sữa tươi (96,2%), đường (3,8%);

+ Có chứa sữa;

 + Sữa không sử dụng chất bảo quản.

- **Yêu cầu về nguyên liệu**: Tuân thủ theo quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về Sữa tươi nguyên liệu ban hành kèm theo Thông tư số 29/2017/TT-BNNPTNT ngày 29/12/2017 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (QCVN 01-186:2017/BNNPTNT Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về Sữa tươi nguyên liệu)

**-Yêu cầu về thành phẩm:** Phải đạt yêu cầu theo quy định tại Quyết định số 5450/QĐ-BYT ngày 28/9/2016 của Bộ Y Tế về việc quy định tạm thời đối với sản phẩm sữa tươi phục vụ Chương trình Sữa học đường cải thiện tình trạng dinh dưỡng góp phần nâng cao tầm vóc trẻ em mẫu giáo và tiểu học đến năm 2020 (QCVN 5-1:2010/BYT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với các sản phẩm sữa dạng lỏng)

**-Yêu cầu về an toàn thực phẩm**: Tổ chức sản xuất, kinh doanh thực phẩm đạt yêu cầu về an toàn thực phẩm theo quy định của QCVN 5-1:2010/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với các sản phẩm sữa dạng lỏng.

**2. Hàng hóa: Sữa tươi tiệt trùng không đường Nhãn hiệu Vinamilk 100% Sữa tươi - Học đường**

**- Tên nhãn mác:** Sữa tươi tiệt trùng không đường Nhãn hiệu Vinamilk 100% Sữa tươi - Học đường

**- Tên nhà sản xuất:** Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam;
**- Nguồn gốc xuất xứ:** Sản xuất tại Việt Nam.

**-Thành phần:**

 **+** Sữa tươi (100%)

+ Có chứa sữa;

 + Sữa không sử dụng chất bảo quản.

- **Yêu cầu về nguyên liệu**: Tuân thủ theo quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về Sữa tươi nguyên liệu ban hành kèm theo Thông tư số 29/2017/TT-BNNPTNT ngày 29/12/2017 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (QCVN 01-186:2017/BNNPTNT Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về Sữa tươi nguyên liệu)

**-Yêu cầu về thành phẩm:** Phải đạt yêu cầu theo quy định tại Quyết định số 5450/QĐ-BYT ngày 28/9/2016 của Bộ Y Tế về việc quy định tạm thời đối với sản phẩm sữa tươi phục vụ Chương trình Sữa học đường cải thiện tình trạng dinh dưỡng góp phần nâng cao tầm vóc trẻ em mẫu giáo và tiểu học đến năm 2020 (QCVN 5-1:2010/BYT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với các sản phẩm sữa dạng lỏng)

**-Yêu cầu về an toàn thực phẩm**: Tổ chức sản xuất, kinh doanh thực phẩm đạt yêu cầu về an toàn thực phẩm theo quy định của QCVN 5-1:2010/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với các sản phẩm sữa dạng lỏng.

**- Thời hạn sử dụng sản phẩm:** 08 tháng (240 ngày) kể từ ngày sản xuất.

**- Hạn sử dụng và Ngày sản xuất:** Xem trên hộp.

**- Quy cách bao gói:**Đóng gói với thể tích thực: Hộp 180 ml (sai số định lượng phù hợp quy định Thông tư số 21/2014/TT-BKHCN của Bộ Khoa học và Công nghệ)

**- Chất liệu bao bì:** Sản phẩm được chứa trong bao bì hộp giấy, bên trong là lớp nhựa PE chuyên dùng, ghép kín, đảm bảo yêu cầu an toàn vệ sinh thực phẩm theo QCVN 12-1:2011/BYT.

**Phụ lục số 02**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

-------------o0o-------------

**BIÊN BẢN NGHIỆM THU, BÀN GIAO SỐ LƯỢNG SỮA**

**Tháng …….. năm 2019**

 Căn cứ Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;

 Căn cứ Thỏa thuận khung số 01/TTK-TTĐG ký ngày 18 tháng 10 năm 2019 giữa Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam và Trung tâm Dịch vụ đấu giá tài sản Tp. HCM;

 Căn cứ Hợp đồng mua sắm hàng hóa số ……………../2019/HĐMSHH ký ngày ……………………giữa ……………………………………………………………… và Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam;

 Hôm nay, ngày ……. tháng ….…. năm …..…., chúng tôi gồm có:

1. **Đại diện nhà thầu cung cấp sữa (bên giao):**

Ông: Trần Hữu Định Chức vụ: Giám đốc KD Miền Hồ Chí Minh

*(Theo GUQ số 5273/GUQ-CTS.BPPC/2019 ngày 17/10/2019)*

1. **Đại diện đơn vị mua sữa (bên nhận):**

Ông (Bà): …………………………….......Chức vụ: …………………………………....

Ông (Bà): ……………………………......Chức vụ: …………………………………....

Thống nhất thực hiện nghiệm thu, bàn giao số lượng sữa đã giao tháng ..…năm 2019, như sau:

1. Số lượng sữa nghiệm thu, bàn giao như sau:

| **Đối tượng sử dụng sữa** | **Tên sản phẩm** | **Tổng số lượng (Hộp)** | **Đơn giá VAT)** | **Thành tiền (bao gồm VAT)** | **Chia ra** | **Ghi chú** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Ngân sách hỗ trợ (đồng)** | **Phụ huynh HS đóng (đồng)** |
| Đối tượng 1 | 04WDS4 STTT có đường VNM 100% Sữa tươi 180ml (SHD) |  | 4.840 |  |  |  |  |
| Đối tượng 1 | 04WTS4 STTT không đường VNM 100% Sữa tươi 180ml (SHD) |  | 4.840 |  |  |  |  |
| Đối tượng 2 | 04WDS8 ĐT2\_STTT có đường VNM 100% Sữa tươi 180ml (SHD) |  | 3.025 |  |  | 0 |  |
| Đối tượng 2 | 04WTS6 ĐT2\_STTT không đường VNM 100% Sữa tươi 180ml (SHD) |  | 3.025 |  |  | 0 |  |
| **CỘNG** |  |  |  |  |  |  |  |

1. Ý kiến của các bên giao, bên nhận (nếu có):

……………………………………………………………………………………

…………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………

…………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Đại diệnnhà thầu cung cấp sữa(bên giao)***(Ký , ghi rõ họ tên vàđóng dấu)* |  |  |  | **Đại diệnĐơn vị mua sữa****(bên nhận)***(Ký , ghi rõ họ tên và đóng dấu)* |